TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 02 - 2023
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Hồ Quang Minh
Ông: Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 714/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 518/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phan Thị D, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Đỗ Văn P, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không rỏ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 8/11/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị D và anh P tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau (theo giấy đăng ký kết hôn số 140 ngày 23.05.2012). Quá trình chung sống có 2 con chung tên Đổ Thị Như Ý, sinh ngày 12.01.2011 và Đổ Thị Minh K, sinh ngày 08.02.2012 hiện nay các cháu đang sống với anh P.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cải nhau, vợ chồng sống ly thân đã lâu không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh P, con chung tôi đồng ý giao 2 con chung cho anh P nuôi dạy.

Tài sản chung vợ chồng tự thõa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không

Bị đơn Đỗ Văn P: Tòa án đã triệu tập bị đơn Pháp nhiều lần để giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, hai lần để xét xử nhưng bị đơn Pháp vắng mặt không rỏ lý do, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng chị D và anh P không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D đã xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại. Hơn nữa Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh P nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng anh P vắng mặt không rỏ lý do, như vậy chứng tỏa anh P không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị D. Từ những nhận định trên xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận, cho chị Phan Thị D được ly hôn với anh Đỗ Văn P là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy: cháu tên Đổ Thị Như Ý, sinh ngày 12.01.2011 và Đổ Thị Minh K, sinh ngày 08.02.2012 hiện nay đang sống với anh P. Tại biên bản làm việc các cháu có nguyện vọng sống với anh P. Xét thấy từ khi chị D và anh P sống ly thân đến nay các cháu được anh P nuôi dạy và học tập chu đáo, do đó tiếp tục giao các cháu Ý và K cho anh P nuôi dạy là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy quá trình thụ lý giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt trực tiếp cho bà Nguyễn Thị C và Đổ Văn T (mẹ ruột và em ruột của anh P nhận thay), nhưng anh P không có ý kiến vì về việc chị D yêu cầu ly hôn củng như việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với chị D và chị D củng không tự nguyên cấp dưỡng. Nên tách phần cấp dưỡng ra khi nào anh P có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Chị D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này và chị D phải tôn trọng quyền của các con được sống với anh P là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Đối với nguyên đơn cho rằng vợ chồng tự thõa thuận tài sản chung và không có nợ ai. Nhưng quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra khi nào bị đơn có yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí:* Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị D.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị D và anh Đỗ Văn P.

Về con chung: Giao cho anh Đỗ Văn P có trách nhiệm nuôi các cháu Đỗ Thị Như Ý, sinh ngày 12.01.2011 và Đỗ Thị Minh K, sinh ngày 08.02.2012 hiện các cháu đang sống với anh P. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này và chị D phải tôn trọng quyền của các con được sống với anh P

2. Về án phí sơ thẩm: Chị D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0005697 ngày 10/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung